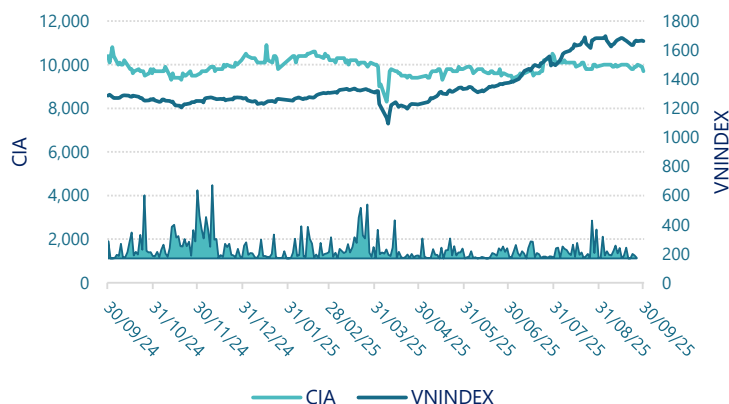


CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (HNX: CIA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,825
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	181
P/E	16.7
EPS	582

DT thuần

Q3/25

53.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 20.1%

YoY: ▲ 17.6 | 48.6%

LN sau thuế

Q3/25

7.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.39 | 264%

YoY: ▲ 4.13 | 125%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.7%

+/- YoY: ▲ 5.2%

DT thuần

9T 2025

135

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.7 | 49.9%

LN sau thuế

9T 2025

12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.31 | 98.0%

ROE

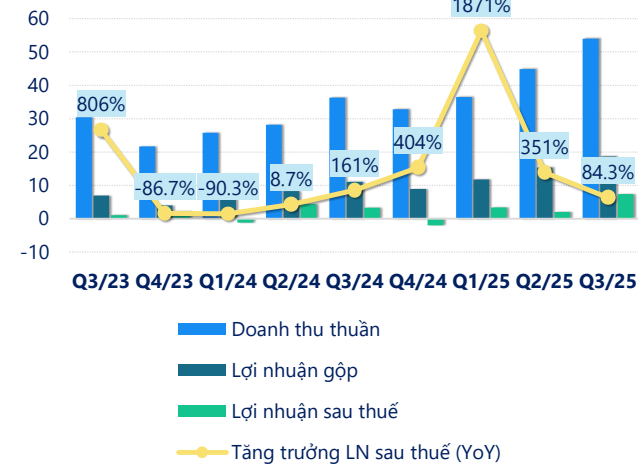
Q3/25

3.2%

+/- YoY: ▲ 0.6%

tỷ VNĐ

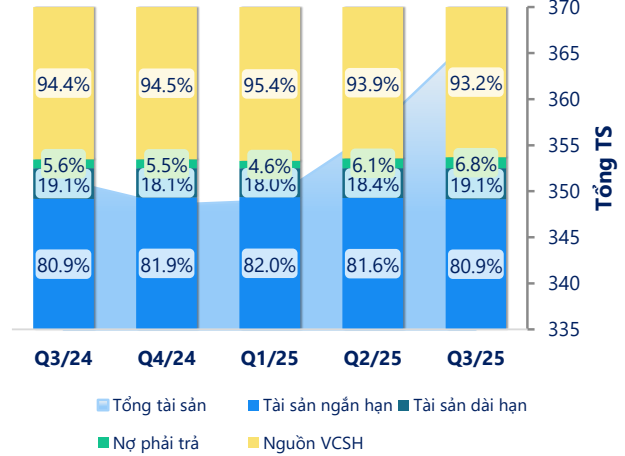
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

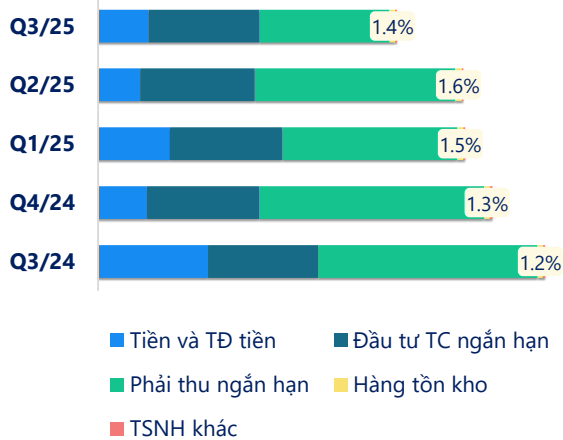
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



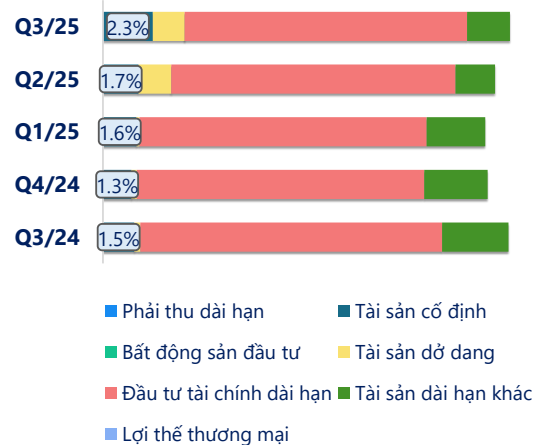
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

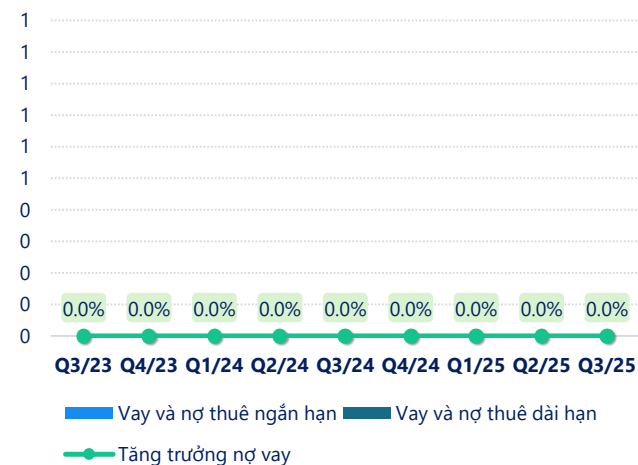
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

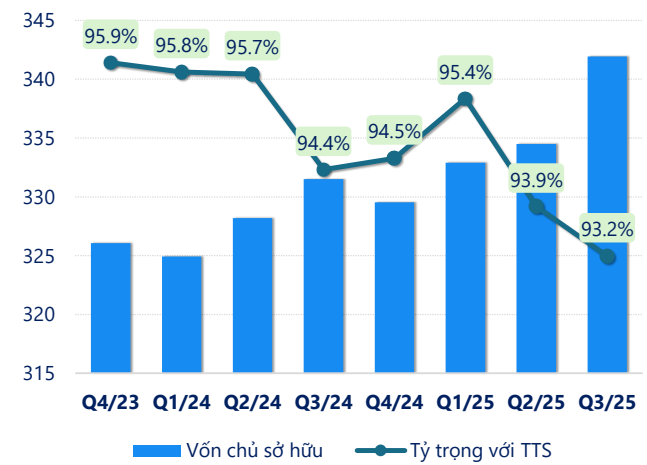
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

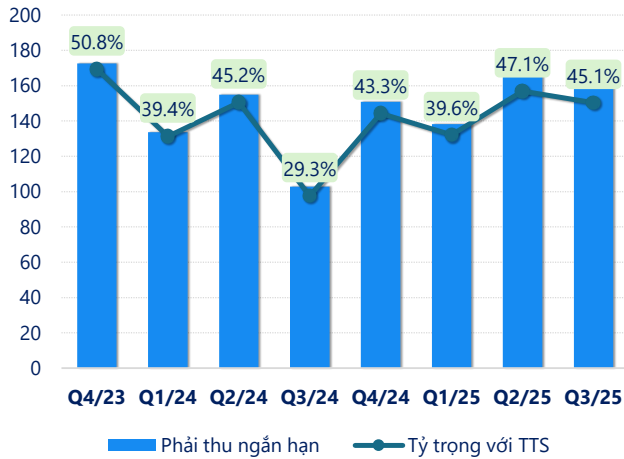
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



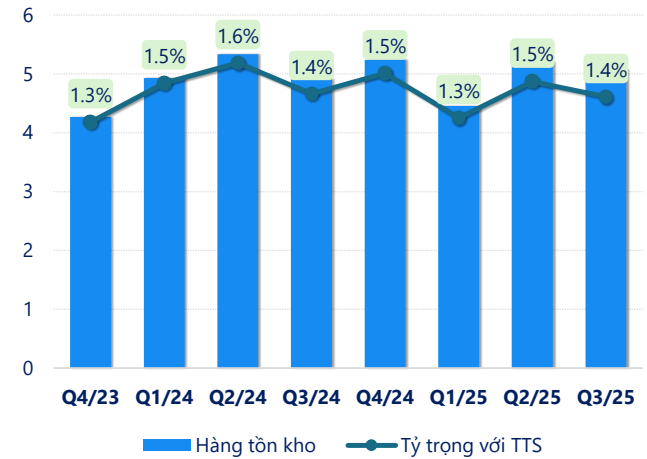
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


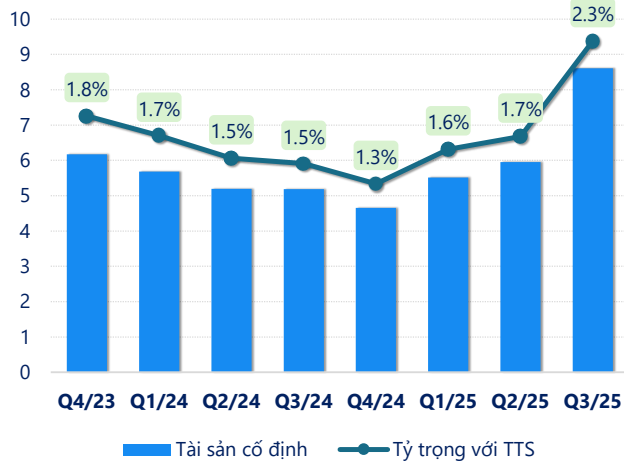
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


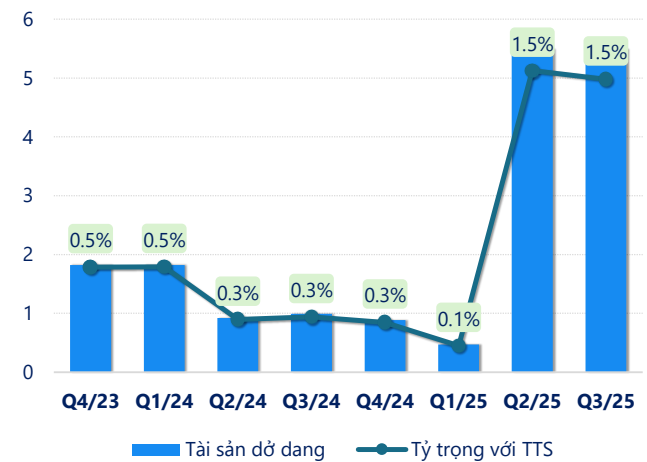
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

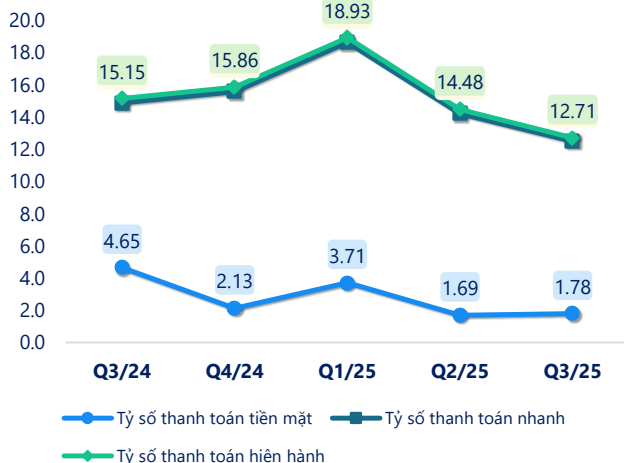
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

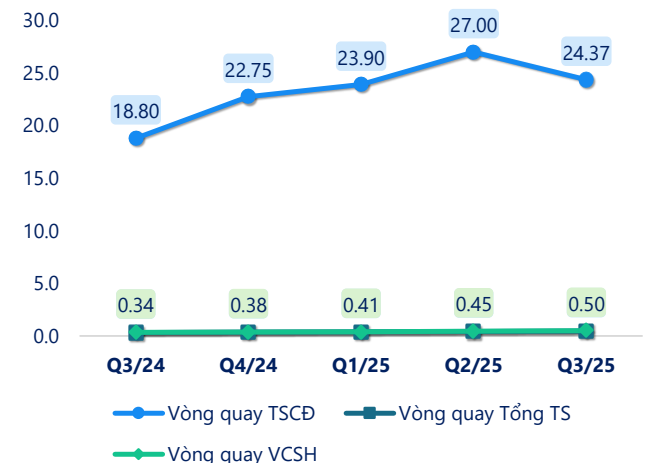
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	351	349	349	356	367
Tài sản ngắn hạn	284	286	286	291	297
Tiền và tương đương tiền	87.3	38.3	56.1	33.9	41.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.1	89.3	86.2	82.1	82.3
Phải thu ngắn hạn	103	151	138	168	166
Hàng tồn kho	4.91	5.24	4.45	5.21	5.08
Tài sản ngắn hạn khác	1.21	1.79	1.26	1.73	2.28
Tài sản dài hạn	67.0	63.0	62.7	65.7	70.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	5.19	4.65	5.51	5.95	8.61
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.99	0.89	0.47	5.48	5.48
Đầu tư tài chính dài hạn	49.8	47.1	47.1	47.7	48.7
Tài sản dài hạn khác	10.9	10.4	9.65	6.63	7.41
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	19.7	19.0	16.1	21.9	25.1
Nợ ngắn hạn	18.8	18.0	15.1	20.1	23.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.94	8.77	5.96	7.85	7.21
Nợ dài hạn	0.95	1.01	0.95	1.79	1.75
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	331	330	333	335	342
Vốn chủ sở hữu	331	330	333	335	342
Vốn điều lệ	197	197	197	187	187
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)